

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý bệnh viện của Trường Đại học Y tế công cộng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

Căn cứ Quyết định 6221/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y tế công cộng;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý bệnh viện của Trường Đại học Y tế công cộng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học, Phòng Công tác sinh viên; các khoa, bộ môn và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y TẾ
CÔNG CỘNG
Nguyễn Thanh Hương

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ QUẢN LÝ BỆNH VIỆN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2144 /QĐ-YTCC ngày 29/ 12 / 2017)

PHẦN A: Thông tin về chương trình và đơn vị cấp bằng

- 1. Tên chương trình:** Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý bệnh viện
- 2. Mã ngành:** 8720802
- 3. Trường/đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Y tế công cộng
- 4. Cơ sở tổ chức giảng dạy:** Trường Đại học Y tế công cộng
- 5. Tổ chức kiểm định chất lượng chương trình:** Chương trình đào tạo được Bộ Giáo dục và đại học thẩm định.
- 6. Tên gọi của văn bằng:** Thạc sĩ Quản lý bệnh viện
- 7. Chuyên ngành:** Quản lý bệnh viện
- 8. Tiêu chí tuyển sinh/các yêu cầu đầu vào:**
 - Điều kiện về văn bằng:
 - o Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng: Tổ chức và quản lý Y tế, Quản lý/Quản trị bệnh viện;
 - o Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần (những ngành thuộc khối ngành sức khỏe) và ngành khác (những ngành còn lại trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017) phải có chứng chỉ chương trình bổ túc kiến thức chuyên ngành Quản lý Y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự thi tuyển sinh.
 - Kinh nghiệm thâm niên công tác:
 - o Những thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành gần có bằng loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.
 - o Những thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành gần không có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên phải có tối thiểu 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế tính đến ngày dự thi tuyển sinh.
 - o Những thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Y tế tính đến ngày dự thi tuyển sinh.
 - Có đủ sức khỏe để học tập.
 - Môn thi tuyển:
 - o Toán Thống kê

- Tổ chức quản lý y tế
- Tiếng Anh

9. Kế hoạch học tập:

- Năm thứ nhất: Học viên hoàn thành các môn học lý thuyết: 43 TC

T T	MÔN HỌC	Mã môn học	Số TC
Môn học chung			6
1	Triết học: Cung cấp các kiến thức cơ bản về triết học nói chung và chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu y tế công cộng và phân tích các vấn đề xã hội.	PHIL60	4
2	Tiếng Anh: Cung cấp các kiến thức và 4 kỹ năng thực hành (nghe, nói, đọc, viết) về tiếng Anh thông dụng (như các chủ đề về gia đình, công việc, sở thích...). Đọc hiểu tài liệu về các chủ đề y tế thông dụng và y tế công cộng.	ENGL60	2
Môn cơ sở và môn chuyên ngành			
1	Dịch tễ học: Mô tả đặc điểm cơ bản và ứng dụng của DTH mô tả và DTH phân tích, các phương pháp nghiên cứu DTH; xác định được sai số, nhiễu và phương pháp kiểm soát nhiễu và sai số; mô tả được hệ thống giám sát DTH.	EPID60	2
2	Thống kê y tế: Cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê y tế, áp dụng các phương pháp thống kê trong thu thập, trình bày và phân tích và phiên giải số liệu trong nghiên cứu y tế công cộng. Cung cấp kỹ năng sử dụng các phần mềm thống kê trong phân tích số liệu.	BIOS60	3
3	Nguyên lý quản lý và quản lý bệnh viện: Giới thiệu những nguyên lý cơ bản của quản lý và các mô hình quản lý, chu trình quản lý các chương trình/dự án trong bệnh viện.	MANA63	2
4	Quản lý nguồn nhân lực Quản lý nguồn nhân lực là một trong những thách thức đối với các nhà quản lý hiện nay. Với mục đích giúp học viên sẵn sàng đương đầu với thách thức này trong bối cảnh chung của một tổ chức, khóa học sẽ cung cấp một cách hệ thống các kiến thức và kỹ năng về quản lý nhân lực, bao gồm các khái niệm, các chức năng của quản lý nhân lực và các phương thức nhằm lập kế hoạch phát triển nhân lực cho một tổ chức, sử dụng hiệu quả nhân lực, đánh giá năng lực, động viên, khen thưởng và phát triển nguồn nhân lực.	HRMD60	3
5	Quản lý Kinh tế và Tài chính bệnh viện: Phần Kinh tế Y tế cung cấp kiến thức kỹ năng về đánh giá kinh tế Y tế để xây dựng chính sách sử dụng nguồn lực cho hiệu quả hơn. Tăng cường khả năng phân tích và xây dựng chính sách trong quản lý y tế và quản lý kinh tế ngành. Phần Tài chính bệnh viện cung cấp khái niệm cơ bản về tài chính y tế, phân tích đặc	ECON63	3

	điểm, tác động các nguồn tài chính khác nhau đến công bằng, chất lượng và hiệu quả của hoạt động bệnh viện. Môn học giúp các sinh viên vận dụng các nguyên tắc, nội dung quản lý tài chính tại bệnh viện để quản lý hiệu quả nguồn tài chính của bệnh viện.		
6	Quản lý Trang thiết bị và cơ sở hạ tầng bệnh viện (Quản lý TTB và CSHT): Quản lý TTB và CSHT đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ Y tế của bệnh viện. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về vai trò, tầm quan trọng và quy trình quản lý TTB và CSHT trong bệnh viện. Ngoài ra, những vấn đề về quản lý chất thải Y tế, và định hướng phát triển công nghệ của ngành Y tế cũng được đề cập trong môn học.	FACI63	2
7	Phương pháp nghiên cứu định tính: Mục tiêu của môn học nhằm giúp học viên sau khi kết thúc môn học, học viên có thể: thiết kế được một nghiên cứu định tính phù hợp với vấn đề sức khỏe đã xác định, phát triển được kế hoạch chọn mẫu phù hợp, sử dụng được các phương pháp thu thập số liệu định tính bao gồm phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và quan sát, mô tả được qui trình phân tích và trình bày được số liệu định tính và viết được đề cương nghiên cứu định tính	QUAL60	2
8	Phương pháp nghiên cứu định lượng: Môn học sẽ cung cấp cho học viên phương pháp để thiết kế các nghiên cứu khoa học, cũng như xác định những hạn chế của các nghiên cứu. Đầu ra của khóa học là một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh cho một chủ đề nhất định của nhóm học viên	RESE60	2
Môn học tự chọn (<i>chọn số môn học tối thiểu tương đương 18 TC trong số các môn học dưới đây</i>) <i>Học viên bắt buộc phải chọn 5 môn sau:</i> Trình bày và truy cập thông tin (3TC) Hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe (3TC) Quản lý chất lượng bệnh viện (3 TC) Quản lý Dược (3 TC) Tiếp thị xã hội trong Bệnh viện (3 TC) Mỗi năm học, Nhà Trường cung cấp 15 môn học trong danh mục các môn học tự chọn.			18
1	Trình bày và truy cập thông tin: Hướng dẫn tìm kiếm thông tin trên internet và chuẩn bị bài trình bày trên powerpoint. Học viên sẽ được làm quen với phần mềm quản lý tài liệu tham khảo và kỹ năng viết một bài báo khoa học.	ENDN60	3
2	Pháp luật Y tế và y đức: Cung cấp những kiến thức về hệ thống pháp luật về y tế và các nguyên lý cơ bản về y đức và mối quan hệ giữa cán bộ y tế và người bệnh để giúp người học có thể vận dụng được các quy định của pháp luật y tế và	LAWM6 3	3

	y đức vào trong thực tiễn quản lý bệnh viện.		
3	Sức khỏe nghề nghiệp: Cung cấp các khái niệm cơ bản về an toàn nghề nghiệp, áp dụng nguyên tắc quản lý nguy cơ để bảo vệ người lao động khỏi những mối nguy hại tại nơi làm việc; phát triển những phương pháp kiểm soát nhằm hạn chế hoặc giảm nguy cơ đối với người lao động ở những ngành nghề khác nhau ; phát triển những chương trình quản lý và nâng cao sức khỏe nghề nghiệp.	OCCU60	3
4	Quản lý chất lượng bệnh viện: Quản lý chất lượng toàn diện là công cụ để tăng cường chất lượng liên tục thông qua việc phân tích và giải quyết một vấn đề mang tính quy trình. Môn học này tăng cường năng lực quản lý chất lượng bệnh viện cho các sinh viên. Chăm sóc bệnh nhân toàn diện gắn liền với chất lượng của bệnh viện, và là một nội dung quan trọng trong quản lý bệnh viện.	MANQ63	3
5	Bệnh viện ứng phó với tình huống khẩn cấp: Cung cấp những khái niệm cơ bản về phòng chống thảm họa: định nghĩa thảm họa, phân loại thảm họa, nguy cơ thảm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khái niệm về quản lý thảm họa. Các bước trong lập kế hoạch phòng chống thảm họa của ngành y tế.	EMER63	3
6	Giáo dục nâng cao sức khỏe tại BV: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi sức khỏe, các yếu tố quyết định vấn đề sức khỏe, cách tiếp cận toàn diện, các phương pháp và kỹ năng cơ bản để thay đổi hành vi của các đối tượng đích, đặc biệt là các đối tượng gắn liền với cơ sở dịch vụ y tế (bệnh viện) ; đề cập các tiêu chí của bệnh viện NCSK do WHO khuyến cáo. Dựa trên nền tảng về khoa học quản lý, khoa học chính sách, xã hội học, môn học này trang bị kiến thức và kỹ năng để phân tích vấn đề và lập kế hoạch NCSK tại cơ sở y tế nói chung và bệnh viện nói riêng góp phần giải quyết các vấn đề sức khỏe và cải thiện sức khỏe người dân.	PROM63	3
7	Tiếp thị xã hội trong bệnh viện: Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về marketing bệnh viện, thể hiện vai trò của chiến lược marketing trong công tác quản lý bệnh viện. Môn học này dựa trên nền tảng cơ bản của các môn quản lý, khoa học hành vi, phương pháp nghiên cứu khoa học, để từ đó phát triển chiến lược marketing bệnh viện phù hợp với các qui định, chính sách chung của nhà nước.	MARK63	3
8	Hệ thống thông tin QLSK : Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin Y tế, các công cụ, phương	INFO60	3

	pháp, số liệu và các nguồn thông tin giúp cho việc sử dụng thông tin hiệu quả cũng như hỗ trợ cho quá trình lập kế hoạch dựa trên bằng chứng. Đây là một môn học cần thiết trong chương trình cử nhân y tế công cộng, môn học sẽ giúp cho học viên có cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin y tế, tầm quan trọng của thông tin y tế cho việc ra quyết định và hoạch định chính sách trong hệ thống y tế.		
9	Truyền thông chính sách y tế: Môn học này nhằm giúp học viên có những kiến thức và kỹ năng về lựa chọn thông tin và các cách thức truyền tải các kết quả nghiên cứu có ảnh hưởng tới chính sách y tế đến các nhà quản lý và lập sách một cách hiệu quả.	POCO60	3
10	Quản lý dự án: Môn học này giải thích các khái niệm chung về quản lý dự án, mô tả và các bước trong qui trình thiết kế dự án như xây dựng mô hình và các phương pháp triển khai dự án, nội dung thẩm định dự án, tổ chức nhân lực thực hiện dự án, lập kế hoạch tài chính dự án, các công việc cần thiết để viết báo cáo và đóng dự án...	PROJ60	3
11	Quản lý dược bệnh viện: Môn học cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức, kỹ năng để quản lý công tác Dược bệnh viện một cách có hiệu quả. Ngoài ra, môn học còn giúp cho học viên phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thuốc an toàn và hợp lý, đặc biệt trong cơ chế thị trường hiện nay.	PHAM63	3
12	Chính sách y tế: Cung cấp một số nội dung cơ bản về khung khái niệm trong phân tích chính sách y tế. Phân tích vai trò của thông tin, Nhà nước, các nhóm lợi ích, các tổ chức quốc tế trong xây dựng, triển khai và đánh giá chính sách y tế nói chung và chính sách liên quan trực tiếp đến bệnh viện nói riêng. Đồng thời thảo luận về một số vấn đề về chính sách liên quan đến bệnh viện của Việt Nam	POLI60	3
13	Tài chính y tế: Môn học này đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các khái niệm cơ bản về tài chính y tế và quản lý tài chính y tế. Với các kiến thức được trang bị từ môn học này, học viên có thể phân tích được các chức năng cơ bản của hệ thống tài chính y tế, các tiêu chí đánh giá hệ thống tài chính y tế, đặc điểm của các mô hình tài chính trên thế giới và tại Việt Nam, và ảnh hưởng của các phương thức thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ đến các vấn đề công bằng, chất lượng và hiệu quả	HFIN60	3
14	Đánh giá kinh tế y tế: Môn học này có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho học viên lý thuyết và thực hành các phương pháp đánh giá kinh tế y tế, các bước thực hiện nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế, phương pháp đo lường chi phí và hiệu quả, các kỹ thuật mô hình hóa, phân tích độ nhạy và tính	HEVA60	4

	không chắc chắn... Với các kiến thức và kỹ năng được trang bị từ môn học này, học viên có khả năng tham gia thiết kế nghiên cứu, thu thập số liệu, áp dụng kỹ thuật mô hình hóa, phiên giải và trình bày được các kết quả của các nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế		
15	Phòng chống chấn thương: Đây là một môn học tự chọn với mục tiêu cung cấp cho các sinh viên các kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho các hoạt động phòng chống chấn thương. Môn học này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về dịch tễ học chấn thương, các phương pháp nghiên cứu, đánh giá chấn thương cũng như các phương pháp xây dựng chiến lược, kế hoạch phòng chống chấn thương. Môn học được thiết kế dựa trên các kiến thức cập nhật trên thế giới lồng ghép với các số liệu, hoạt động thực tế. Phương pháp giảng dạy chủ động kết hợp lý thuyết, thực hành và các bài tập tình huống thực tế ở Việt Nam.	INJU60	3
16	Phục hồi chức năng: Chiến lược quốc gia về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (PHCNDVCD); tầm quan trọng và nhiệm vụ của PHCNDVCD; những nguyên nhân gây nên tàn tật và áp dụng những biện pháp phòng ngừa thích hợp; xây dựng kế hoạch theo dõi và giám sát chương trình PHCNDVCD.	REHA60	3
17	An toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế: Môn học nhằm củng cố và trang bị cho học viên những thông tin kiến thức, kỹ năng cơ bản, cập nhật về an toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế, có khả năng phát hiện các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động và góp phần bảo vệ sức khỏe cho đội ngũ cán bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân	ECON60	3

- Năm thứ 2: Học viên thực hiện các bài tập thực địa trong vòng 10 tháng.

Thực hiện 2 Bài tập thực địa (Chuyên đề kiến tập bệnh viện và luận văn).

TT	MÔN HỌC	Mã môn học	Số TC
Thực địa			17
1	Chuyên đề kiến tập bệnh viện: Thực hiện trong vòng 2 tháng với nhóm từ 2-3 học viên/nhóm. Yêu cầu: hoàn thành một báo cáo chuyên đề về một chủ đề quản lý bệnh viện	SPEC63	05
2	Luận văn: Mỗi học viên thực hiện 1 nghiên cứu độc lập đề liên quan đến quản lý bệnh viện trong vòng 8 tháng	THES63	12

TỔNG CỘNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: 60 TÍN CHỈ

10. Thời gian đào tạo: Tối thiểu 18 tháng, tối đa 42 tháng kể từ ngày trúng tuyển

11. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt:

- Có hệ thống thư viện hiện đại, với nhiều đầu sách
- Có hệ thống wifi miễn phí dành cho sinh viên truy cập internet phục vụ tra cứu tài liệu học tập
- Có hệ thống ký túc xá dành cho học viên đến từ các tỉnh khác.
- Có không gian vui chơi thể thao: sân bóng đá, bóng rổ trong khuôn viên nhà trường.

PHẦN B: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH, CHUẨN ĐẦU RA, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ.

1. Mục tiêu chương trình

Sau khi hoàn thành chương trình cao học quản lý bệnh viện, Tăng cường năng lực quản lý bệnh viện cho cán bộ y tế nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ của hệ thống bệnh viện tại Việt Nam và có khả năng:

- Phân tích được các nguyên lý quản lý và nguyên lý quản lý bệnh viện.
- Phân tích được các nội dung cơ bản về luật khám chữa bệnh và ý đức áp dụng trong công tác khám chữa bệnh.
- Thực hiện được các phương pháp thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích số liệu, thông tin trong bệnh viện để phục vụ cho việc ra quyết định, lập kế hoạch/ chiến lược phát triển bệnh viện, theo dõi và đánh giá hoạt động.
- Áp dụng được một số mô hình cơ bản về quản lý chất lượng để không ngừng tăng cường chất lượng dịch vụ y tế.
- Áp dụng một số kỹ năng lãnh đạo và quản lý cơ bản (như phát hiện và phân tích vấn đề, ra quyết định, tổ chức làm việc nhóm) để giải quyết các vấn đề tại bệnh viện.
- Áp dụng các kiến thức và kỹ năng quản lý kinh tế, tài chính, nhân lực, trang thiết bị bệnh viện để lập kế hoạch và quản lý bệnh viện một cách hiệu quả.
- Phát triển kỹ năng tham gia xây dựng và phân tích chính sách áp dụng vào quản lý bệnh viện phù hợp với bối cảnh thực tế.
- Phối hợp liên ngành và huy động cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề khám chữa bệnh.
- Áp dụng có hiệu quả các kỹ năng giao tiếp và truyền thông – nâng cao giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.
- Áp dụng công nghệ thông tin và kỹ năng tin học có hiệu quả.
- Phát triển khả năng tự học và chuyên môn một cách liên tục.

2. Chuẩn đầu ra

- Hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động của đơn vị công tác và hệ thống luật pháp, ý đức liên quan đến đơn vị công tác *
 - o Hiểu biết các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách liên quan đến các lĩnh vực quản lý bệnh viện.

- Hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, qui định về hành chính và chuyên môn trong hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị công tác
- Tôn trọng ý kiến của đồng nghiệp và các bên liên quan trong công việc
 - Nhận thức vai trò của đồng nghiệp và các bên liên quan trong công việc.
 - Lắng nghe ý kiến của các bên liên quan trong giải quyết công việc
 - Tạo dựng niềm tin đối với đồng nghiệp và các bên liên quan.
- Vận dụng các văn bản qui phạm pháp luật, chính sách hiện hành để thực hiện có hiệu quả các công việc
 - Tham gia/chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến thực hiện công việc trong đơn vị công tác.
 - Tham gia đánh giá việc thực hiện các qui định, chính sách của đơn vị công tác.
 - Tham gia góp ý/phản hồi trong quá trình xây dựng, thực thi các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến lĩnh vực quản lý bệnh viện.
- Áp dụng các kỹ năng quản lý để lập, thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch (kế hoạch chiến lược, kế hoạch thường kỳ hoặc kế hoạch can thiệp) tại đơn vị công tác
 - Tham gia/chủ trì thu thập và phân tích các số liệu nhằm cung cấp thông tin để xác định các vấn đề và lựa chọn những vấn đề ưu tiên cần giải quyết.
 - Tham gia/chủ trì lập các kế hoạch cho đơn vị công tác để đảm bảo hoạt động và giải quyết các vấn đề đã xác định.
 - Tham gia/chủ trì theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch..
- Tham gia/chủ trì thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ của đơn vị công tác
 - Tổng hợp các thông tin liên quan nhằm cung cấp bằng chứng cải thiện chất lượng hoạt động của đơn vị công tác.
 - Tham gia/chủ trì xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng, kế hoạch giám sát, theo dõi và đánh giá của đơn vị công tác.
 - Tham gia/chủ trì thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng tại đơn vị công tác.
- Tham gia quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (tài chính; nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao) của đơn vị công tác
 - Triển khai hiệu quả các quy định về quản lý các nguồn lực (tài chính; nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao) của Nhà nước tại đơn vị công tác.

- Tham gia/chủ trì lập kế hoạch huy động/đầu tư/mua sắm các nguồn lực (tài chính; nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao) cho hoạt động của đơn vị công tác.
- Tham gia góp ý kiến tăng cường hiệu quả quản lý các nguồn lực (tài chính; nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc và vật tư tiêu hao) tại đơn vị công tác.
- Thể hiện kỹ năng lãnh đạo, quản lý đáp ứng nhu cầu thực tiễn và sự thay đổi của môi trường bên trong và bên ngoài đơn vị công tác trong giải quyết công việc.
 - Tham gia/chủ trì quá trình ra quyết định trong đơn vị công tác.
 - Tham gia/chủ trì quá trình đàm phán, giải quyết mâu thuẫn với các bên liên quan.
 - Xác định các yếu tố cản trở sự phát triển, sự thay đổi của đơn vị công tác.
 - Hợp tác, làm việc nhóm, động viên mọi người để quản lý và giải quyết các lĩnh vực trong đơn vị công tác.
 - Sử dụng các kênh truyền thông hiệu quả để tiếp thị/quảng bá hình ảnh đơn vị công tác.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn thông tin y tế tại đơn vị công tác/ bệnh viện
 - Thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và sử dụng thông tin phù hợp để cung cấp bằng chứng cho việc ra quyết định trong quản lý đơn vị công tác.
 - Chia sẻ các thông tin cần thiết với các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tại đơn vị công tác.
- Thiết kế và thực hiện các nghiên cứu mang tính ứng dụng nhằm cung cấp bằng chứng cho công tác quản lý tại đơn vị công tác
 - Xác định và lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết và khả thi về quản lý.
 - Áp dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành nghiên cứu những chủ đề đã lựa chọn.
 - Trình bày, chia sẻ kết quả nghiên cứu với các bên liên quan.
 - Ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào quản lý tại đơn vị công tác
- Chứng tỏ khả năng tự học cũng như khuyến khích, tạo ảnh hưởng tới đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục
 - Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
 - Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng công việc.

- Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất nhằm thích nghi với những thay đổi.
- Đóng góp vào việc đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.

** Đơn vị công tác: bao gồm bệnh viện công, tư, các đơn vị trong bệnh viện, các phòng khám và các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe được thành lập theo qui định của pháp luật.*

3. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá: (Teaching, learning and assessment methods):

- Tùy theo từng môn học cụ thể, giảng viên có thể kết hợp các phương pháp giảng dạy/học tập tích cực như thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề (Scenario – Based learning), bài tập cá nhân, bài tập nhóm để trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên ngành cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề).
- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức như:
 - Với các học phần lý thuyết: kiểm tra quá trình, đánh giá chuyên cần, thi hết học phần (với các hình thức câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi ngắn, bài tập nhóm, trình bày kết quả thảo luận, kết quả bài tập cá nhân,..)
 - Với cấu phần thực địa và bảo vệ luận văn: trình bày, trả lời câu hỏi với các hội đồng đề cương, giám sát và bảo vệ luận văn,...

PHẦN C: Cấu trúc chương trình

Cấu trúc của chương trình: CTĐT được thiết kế với 60 TC, bao gồm các nhóm môn học sau:

- Nhóm các môn chung (6 TC-10%): bao gồm triết học hướng cho người học khả năng tư duy độc lập, lập luận một cách logic có khả năng tư duy phản biện và và tiếng anh giúp cho người học có khả năng tiếp cận với kiến thức khoa học cập nhật và hiện đại trên thế giới. Đáp ứng các chuẩn đầu ra 9, 10
- Nhóm các môn chuyên ngành:
 - Các môn học bắt buộc (19 TC-31,67%), nhóm môn học này giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng theo các nhóm năng lực cốt lõi của Quản lý bệnh viện (bao gồm: dịch tễ, thống kê, Nguyên lý quản lý và quản lý bệnh viện, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý kinh tế và tài chính bệnh viện, Quản lý trang thiết bị và cơ sở hạ tầng bệnh viện, phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Đáp ứng các chuẩn đầu ra 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9
 - Các môn học tự chọn bao gồm các môn học liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của QL BV như Quản lý dược bệnh viện, Pháp luật y tế và y

đức, trình bày truy cập thông tin, quản lý chất lượng bệnh viện, marketing bệnh viện, Chính sách y tế, v.v. Các môn học này giúp người học có kiến thức và kỹ năng toàn diện theo các năng lực cốt lõi của QLBV. Mỗi SV phải chọn tối thiểu 18 TC (30%). Đáp ứng các chuẩn đầu ra 5, 6, 7, 8

- Bài tập kiến tập bệnh viện và luận văn (17 TC bắt buộc-28,33%) giúp người học được thực hành toàn bộ các kiến thức và kỹ năng được học để xác định một vấn đề liên quan Quản lý bệnh viện, thiết kế nghiên cứu và triển khai nghiên cứu trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện các vấn đề trong quản lý bệnh viện. Người học phải trải qua các giai đoạn giám sát và bảo vệ luận văn trước Hội đồng quốc gia. Nhóm môn học này đáp ứng các chuẩn đầu ra 1, 2, 5, 9, 10.

PHẦN D: Quy định về đánh giá

Quy định về kiểm tra đánh giá

1. Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.
- Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B, C, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Bảng 1: Thang điểm đánh giá kết quả học tập

	Thang điểm 10 (Điểm thành phần)	Thang điểm 4 (Điểm chính thức)	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt *	8,5 – 10	A	4
	7,0 - 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Không đạt	< 4,0	F	0

(* Riêng đối với luận văn/luận án tốt nghiệp: phải đạt từ 5,5 trở lên mới được coi là đạt)

2. Đánh giá kết quả học tập môn học:

- Việc đánh giá kết quả học tập (số lượng các điểm thành phần, phương thức đánh giá cho từng loại điểm thành phần (đánh giá quá trình, chuyên cần và thi hết học phần,...) được quy định trong đề cương chi tiết môn học. Điểm thành phần là các cột điểm thuộc một trong số các dạng đánh giá sau:
- Đánh giá các học phần lý thuyết:

- Các điểm đánh giá quá trình: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên khi kết thúc 1 tín chỉ của môn học;
- Điểm chuyên cần: Mức độ đi học đầy đủ, tích cực tham gia của sinh viên trong các nội dung hoạt động trên lớp của môn học;
- Điểm đánh giá hết học phần: điểm đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên khi kết thúc học phần.

(Điểm tổng kết học phần là trung bình có trọng số của các điểm thành phần. Học phần được xem là đạt nếu SV có điểm tổng kết 4/10 trở lên).

- Điểm đánh giá bài tập thực địa: bao gồm các điểm giám sát xác định vấn đề nghiên cứu và báo cáo bài tập thực địa. (mỗi thành phần trên 5 điểm được coi là đạt)
- Điểm đánh giá quá trình làm luận văn: điểm của các lần giám sát xác định vấn đề, bảo vệ đề cương nghiên cứu, bảo vệ đề cương, giám sát thu thập số liệu, điểm chấm quyền luận văn (mỗi thành phần trên 5.5 điểm được coi là đạt).
- Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp (Trên 5.5 điểm được coi là đạt): ghi riêng, không tính vào điểm tích lũy chung toàn khóa.

3. Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo (Hoàn thành đủ tối thiểu 60 tín chỉ, bao gồm cả luận văn tốt nghiệp)
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: trình độ B1 (khung châu Âu)
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

Nguyễn Thanh Hương